TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2022/KDTM-PT

Ngày 11 - 5 - 2022

V/v *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Tú

Ông Y Phi Kbuôr

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 06/2022/TLPT-KDTM ngày 26 tháng 01 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án kinh doan thương mại sơ thẩm số: 18/2021/KDTM-ST ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Toà án nhân dân Tp. Buôn Ma thuột bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2022/QĐPT-DS ngày 23 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐPT ngày 22 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng V; Địa chỉ: TQK, phường LT, Quận K, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T - Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Cao Ngọc N; Địa chỉ: THĐ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.
- Ông Nguyễn Bá N1; Địa chỉ: THĐ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty M

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng Q, sinh năm 1989; Địa chỉ: NCT, phường TA, thành phố B,tỉnh Đăk Lắk; có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Huỳnh Công Q1, sinh năm 1961; địa chỉ: NKT, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Bà Đỗ Thị Q2, sinh năm 1962; địa chỉ: NKT, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị Q2: Ông Hà Huy Q3, sinh năm 1961; Địa chỉ: HT, phường X, Quận BT, thành phố HM; có mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Huỳnh Công Q1, bà Đỗ Thị Q2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Ông Cao Ngọc N - Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng V trình bày:**

Công ty M thông qua chi nhánh J vay vốn tại Ngân hàng V theo hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số: 191018/ĐHM/HĐTD ngày 19/10/2018 với số tiền vay 10.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động kinh doanh xe gắn máy, phụ tùng xe gắn máy.

Tính đến ngày 25/9/2020, tổng dư nợ vay của Công ty M tại Ngân hàng V theo hợp đồng tín dụng nêu trên là 5.001.214.785 đồng, gồm 4.856.729.330 đồng nợ gốc và 144.485.455 đồng nợ lãi, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 25/9/2020.

Toàn bộ dư nợ vay tại Ngân hàng được đảm bảo bằng bảo lãnh, bằng tài sản của công ty và của bên thứ ba là:

+ Bảo lãnh vay vốn của Công ty M

+ Quyền sử dụng đất thuê và tài sản gắn liền với đất tại NCT, phường TA, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 278684 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 29/12/2000 cho Chi nhánh J thuộc Công ty M.

+ Sổ tiết kiệm của ông Huỳnh Công Q1 theo thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số 03734992 do Ngân hàng V phát hành ngày 14/11/2016.

+ Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 774723 do UBND thành phố B cấp ngày 24/02/2009 cho ông Huỳnh Công Q1.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CB 565771 do UBND thành phố B cấp ngày 23/9/2016 cho ông Huỳnh Công Q1.

Các thỏa thuận chi tiết về tài sản bảo đảm được nêu trong các hợp đồng bảo đảm cụ thể:

+ Hợp đồng bảo lãnh số 191018/ĐHM/HĐBL ngày 19/10/2018 ký giữa Công ty M, Ngân hàng V.

+ Hợp đồng thế chấp số 07/55/TH/HĐTC ngày 16/10/2007 ký giữa Công ty M và Ngân hàng V.

+ Hợp đồng cầm cố số 201016/NTT/HĐCC ngày 14/11/2016 ký giữa ông Huỳnh Công Q1, bà Đỗ Thị Q2, Công ty M và Ngân hàng V.

+ Hợp đồng thế chấp số 171115 /PBN/HĐTC ngày 17/11/2015 ký giữa ông Huỳnh Công Q1, bà Đỗ Thị Q2, Công ty M và Ngân hàng V.

+ Hợp đồng thế chấp số 250220/DHM/HDTC ngày 11/03/2020 được ký giữa ông Huỳnh Công Q1, bà Đỗ Thị Q2, Công ty M và Ngân hàng V.

Đến nay Công ty M vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng, liên tiếp vi phạm trả nợ đã cam kết. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc công ty Mtrả cho Ngân hàng V số tiền 5.001.214.785 đồng. Trong đó nợ gốc 4.856.729.330 đồng, nợ lãi và lãi quá hạn 538.355.316 đồng (tạm tính đến ngày 25/9/2020) và toàn bộ lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 191018/ĐHM/HĐTD ngày 19/10/2018. Nếu Công ty không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm theo các hợp đồng bảo đảm sau: Hợp đồng bảo lãnh số 191018/HĐM/HĐBL ngày 19/10/2018, hợp đồng thế chấp số 07/55/TH/HĐTC ngày 16/10/2007, hợp đồng cầm cố số 201016/NTT/HDCC ngày 14/11/2016, hợp đồng thế chấp số 171115/PBN/HĐTC ngày 17/11/2015, hợp đồng thế chấp số 250220/ĐHM/HĐTC ngày 11/3/2020 để thu hồi nợ.

*** Ông Nguyễn Trọng Q - Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty M trình bày:**

Công ty M đã ký hợp đồng bảo lãnh số: 191018/ĐHM/HĐBL ngày 19/10/2018 bảo lãnh cho Chi nhánh J để vay tiền của Ngân hàng V nhằm mục đích thanh toán tiền mua xe máy và phụ tùng cho công ty Hon da Việt Nam. Trong quá trình kinh doanh chi nhánh đã sử dụng sai mục đích, kinh doanh kém hiệu quả nên hiện chưa có khả năng trả hết nợ. Nay ngân hàng đã khởi kiện buộc Công ty M trả số tiền 5.001.214.785 đồng, bao gồm cả gốc và lãi. Công ty M thừa nhận và đồng ý trả nợ theo đề xuất trả nợ dần cho Ngân hàng 20.000.000 đồng/tháng. Nếu nguyên đơn không đồng ý thì đề nghị Tòa án xét xử theo pháp luật. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Công ty M đồng thời là người đứng đầu của Chi nhánh J thuộc Công ty M thống nhất theo lời trình bày của ngân hàng về hợp đồng tín dụng cũng như các hợp đồng thế chấp đã ký giữa Ngân hàng và Công ty, không có ý kiến khác.

***Người có quyền nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Công Q1 và bà Đỗ Thị Q2 trình bày:**

Ông Q1 nguyên là giám đốc của chi nhánh J trực thuộc công ty M. Ông đồng ý với trình bày của ngân hàng, ông và vợ là Đỗ Thị Q2 có đồng ý thế chấp cho ngân hàng các tài sản gồm sổ tiết kiệm, quyền sử dụng đất số AO 774723 và số CB 565771. Sau khi được vay vốn bổ sung, công ty đã tích cực kinh doanh và trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng đúng hạn, số dư nợ giảm dần từ 13 tỷ đến tháng 02/2020 chỉ còn hơn 4 tỷ. Như vậy việc thế chấp tài sản của gia đình ông để bổ sung hạn mức bảo lãnh nghĩa Vụ của công ty đối với ngân hàng đã chấm dứt kể từ thời điểm số dư nợ của công ty xuống dưới mức 10 tỷ đồng, vợ chồng ông đã làm đơn gửi yêu cầu ngân hàng tiến hành thanh lý các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở đã ký giữa ngân hàng với vợ chồng ông, đồng thời hoàn trả

lại cho ông thẻ tiết kiệm, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 774723 và số CB 565771 nhưng không được ngân hàng chấp nhận. Nay ngân hàng khởi kiện công ty đòi số nợ gốc và lãi suất là 5.001.214.785 đồng thì ông đồng ý trả nợ, nhưng yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Buộc công ty M phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trả nợ cho ngân hàng thay cho công ty theo thỏa thuận và cam kết tại hợp đồng bảo lãnh số 191018/ĐHM/HĐBL ký ngày 19/10/2018 giữa công ty cổ phần vật tư và thiết bị Toàn Bộ, và ngân hàng V và Chi nhánh J. Vì Công ty M bảo lãnh cho Chi nhánh J được vay vốn tại ngân hàng với tổng giá trị nợ gốc lãi là 10.000.000.000 đồng và theo văn bản số 01/CV-BLVV ngày 19/10/2018 của công ty thì thời hạn bảo lãnh đến nay vẫn còn hiệu lực.

+ Trường hợp Công ty M không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thì phát mãi tài sản của công ty quản lý và sử dụng đồng thời cũng đã thế chấp cho ngân hàng là quyền sử dụng đất thuê và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 278684 do UBND tỉnh cấp ngày 29/12/2000 và Quyết định số 220/QĐ- UBND ngày 22/01/2007 của UBND tỉnh về việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng.

+ Ngân hàng trả lại cho ông sổ tiết kiệm theo thẻ tiết kiệm số 03734992 đứng tên Huỳnh Công Q1 do ngân hàng phát hành ngày 14/11/2016.

+ Hủy các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở đã ký giữa ông Q1 và bà Q2 với ngân hàng đồng thời ngân hàng hoàn trả lại cho vợ chồng ông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 565771 và số AO 774723.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị Q2 trình bày:

Thống nhất theo lời trình bày của ông Huỳnh Công Q1. Đề nghị Công ty M thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thay cho Chi nhánh J. Trường hợp Công ty M không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thì phát mãi tài sản của Matexim có bao gồm hàng hóa và tài sản do Chi nhánh J quản lý sử dụng đồng thời cũng đã thực hiện thế chấp cho Ngân hàng. Hủy các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở và hoàn trả cho ông Huỳnh Công Q1 và bà Đỗ Thị Q2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 565771 và số AO 774723, mang tên Huỳnh Công Q1.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 18/2021/KDTM-ST ngày 02 tháng 12 năm 2021 của TAND Tp. Buôn Ma Thuột đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 299, Điều 309, Điều 310, Điều 463, Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015.

- Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng

- Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phi Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V.

- Buộc Công ty M phải trả cho Ngân hàng V số tiền 5.001.214.785 đồng, *(Năm tỷ không trăm lẻ một triệu hai trăm mười bốn ngàn bảy trăm tám mươi lăm đồng)* (tạm tính đến ngày 25/9/2020), và toàn bộ tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/9/2020 cho đến khi trả hết số nợ theo hợp đồng tín dụng số 191018/ĐHM/HĐTD ngày 19/10/2018.

- Trường hợp Công ty M không trả được số nợ cho Ngân V thì Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng, bao gồm các tài sản:

+ Thửa đất không số, tờ bản đồ độc lập, diện tích 1.500m^2, tọa lạc tại phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 278684 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 29/12/2000 cho Chi nhánh J thuộc Công ty M.

+ Thửa đất số E1-8, tờ bản đồ số độc lập, tại phường TA, diện tích 115m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 774723 do UBND thành phố B cấp ngày 24/02/2009 cho ông Huỳnh Công Q1.

+ Thửa đất số 106 (F1-24), tờ bản đồ số 52, diện tích 240m^2, tại phường TA, thành phố B theo giây chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 565771 do UBND thành phố B cấp ngày 23/9/2016 cho ông Huỳnh Công Q1

+ Số dư trên tài khoản tiết kiệm của ông Huỳnh Công Q1 theo thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số 03734992 do Ngân hàng V phát hành ngày 14/11/2016.

- Trường hợp Công ty M trả đủ toàn bộ số nợ trên thì Ngân hàng V có trách nhiệm trả lại cho ông Huỳnh Công Q1 và bà Đỗ Thị Q2: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 774723 do UBND thành phố B cấp ngày 24/02/2009, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 565771 do UBND thành phố B cấp ngày 23/9/2016, 01 thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số 03734992 do Ngân hàng V phát hành ngày 14/11/2016; Trả cho Chi nhánh J thuộc Công ty M 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 278684 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 29/12/2000.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/12/2021, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Công Q1 và bà Đỗ Thị Q2 kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 18/2021/KDTM-ST ngày 02 tháng 12 năm 2021 của TAND Tp. Buôn Ma Thuột.

Ngày 20/12/2021 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Q2 kháng cáo bổ sung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên nếu Công ty M không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp của Công ty M để thu hồi nợ. Trong trường hợp việc phát mãi tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ thì mới xem xét đến tài sản bảo lãnh của ông Q1, bà Q2.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Công Q1 và người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị Q2 vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và

thừa nhận toàn bộ hợp đồng tín dụng, hợp đồng cầm cố cũng như hợp đồng thế chấp được ký kết giữa Công ty M, Ngân hàng Ngân hàng V và ông Q1, bà Q2, đồng thời thừa nhận số nợ gốc và lãi của Công ty cổ phần vật tư và thiết bị Toàn Bộ. Đề nghị HĐXX xem xét về trình tự xử lý tài sản bảo đảm mà gia đình ông Q1 bà Q2 đã thế chấp và cầm cố cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng:* Các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự đều đồng ý về số nợ gốc và lãi. Về hợp đồng thế chấp, hợp đồng cầm cố của ông Q1 bà Q2 đã được các bên thỏa thuận và lập thành văn bản theo quy định của pháp luật và được đăng ký giao dịch bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 191018/ĐHM/HĐTD ngày 19/10/2018, do đó các hợp đồng thế chấp và cầm cố đã ký giữa Công ty M, Ngân hàng và ông Q1, bà Q2 có hiệu lực pháp luật, nên cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp, cầm cố để thu hồi nợ cho Ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều 299 và Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Công Q1 và bà Đỗ Thị Q2 và giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 18/2021/KDTM-ST ngày 02 tháng 12 năm 2021 của TAND Tp. Buôn Ma Thuột.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Công Q1 và bà Đỗ Thị Q2 trong hạn luật định, bà Đỗ Thị Q2 đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, ông Huỳnh Công Q1 thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Công Q1 và bà Đỗ Thị Q2, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Để đảm bảo khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 191018/ĐHM/HĐTD ngày 19/10/2018, Công ty Công ty M đã ký các hợp đồng thế chấp:

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 07/55/TH/HĐTC ngày 16/10/2007, để thế chấp tài sản bao gồm toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại NCT, thành phố B, diện tích 1.500m^2, tọa lạc tại phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk

Lắk. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 278684 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 29/12/2000 cho Chi nhánh J thuộc Công ty M.

+ Hợp đồng cầm cố tài sản của bên thứ ba số 201016/NTT/HĐCC ngày 14/11/2016, để cầm cố tài sản là số dư trên tài khoản tiết kiệm của ông Huỳnh Công Q1 theo thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số 03734992 do Ngân hàng V phát hành ngày 14/11/2016.

+ Hợp đồng thế chấp số 171115/PBN/HĐTC ngày 17/11/2015, để thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số E1-8, tờ bản đồ số độc lập, tại phường TA, diện tích 115m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 774723 do UBND thành phố B cấp ngày 24/02/2009 cho ông Huỳnh Công Q1.

+ Hợp đồng thế chấp số 250220/ĐHM/HĐTC ngày 11/3/2020, để thế chấp tài sản gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 106 (F1-24), tờ bản đồ số 52, diện tích 240m^2, tại phường TA, thành phố B theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 565771 do UBND thành phố B cấp ngày 23/9/2016 cho ông Huỳnh Công Q1.

Xét thấy các hợp đồng thế chấp và cầm cố đã được các bên tự nguyện thỏa thuận và lập thành văn bản có công chứng chứng thực hợp pháp và đăng ký giao dịch bảo đảm, để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 191018/ĐHM/HĐTD ngày 19/10/2018. Do đó các hợp đồng thế chấp và cầm cố đã ký giữa Công ty M, Ngân hàng Ngân hàng V và ông Q1, bà Q2 có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, tại Văn bản thỏa thuận về việc xử lý tài sản bảo đảm ngày 21/01/2019 giữa Ngân hàng Ngân hàng V và ông Q1, bà Q2 thể hiện: *"Về thứ tự xử lý tài sản bảo đảm: Các bên thống nhất khi xảy ra sự kiện vi phạm về nghĩa vụ của Chi nhánh J thuộc Công ty M thì Ngân hàng được toàn quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ mà không cần quan tâm đến thứ tự xử lý của các tài sản (của bên vay/Bên thứ ba)"*.

Như vậy, trường hợp Công ty M không trả được nợ cho Ngân hàng V thì Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Từ những nhận định trên thấy rằng kháng cáo của ông Q1 bà Q2 là không có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự - Giữ nguyên Bản án kinh doan thương mại sơ thẩm số: 18/2021/KDTM-ST ngày 02 tháng 12 năm 2021 của TAND Tp. Buôn Ma Thuột.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Do không được chấp nhận kháng cáo nên bà Đỗ Thị Q2 phải chịu án phí KDTM phúc thẩm. Ông Huỳnh Công Q1 là người cao tuổi nên miễn án phí KDTM phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Công Q1 và bà Đỗ Thị Q2

Giữ nguyên Bản án kinh doan thương mại sơ thẩm số: 18/2021/KDTM-ST ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V.

- Buộc Công ty M phải trả cho Ngân hàng V số tiền 5.001.214.785 đồng, *(Năm tỷ không trăm lẻ một triệu hai trăm mười bốn ngàn bảy trăm tám mươi lăm đồng)* (tạm tính đến ngày 25/9/2020), và toàn bộ tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/9/2020 cho đến khi trả hết số nợ theo hợp đồng tín dụng số 191018/ĐHM/HĐTD ngày 19/10/2018.

- Trường hợp Công ty M không trả được số nợ cho Ngân hàng V thì Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng, bao gồm các tài sản:

+ Thửa đất không số, tờ bản đồ độc lập, diện tích 1.500m^2, tọa lạc tại phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 278684 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 29/12/2000 cho Chi nhánh J thuộc Công ty M.

+ Thửa đất số E1-8, tờ bản đồ số độc lập, tại phường TA, diện tích 115m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 774723 do UBND thành phố B cấp ngày 24/02/2009 cho ông Huỳnh Công Q1.

+ Thửa đất số 106 (F1-24), tờ bản đồ số 52, diện tích 240m^2, tại phường TA, thành phố B theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 565771 do UBND thành phố B cấp ngày 23/9/2016 cho ông Huỳnh Công Q1.

+ Số dư trên tài khoản tiết kiệm của ông Huỳnh Công Q1 theo thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số 03734992 do Ngân hàng V phát hành ngày 14/11/2016.

- Trường hợp Công ty M trả xong số nợ trên thì Ngân hàng V có trách nhiệm trả lại cho ông Huỳnh Công Q1 và bà Đỗ Thị Q2: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 774723 do UBND thành phố B cấp ngày 24/02/2009, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 565771 do UBND thành phố B cấp ngày 23/9/2016, 01 thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số 03734992 do Ngân hàng V phát hành ngày 14/11/2016; Trả cho Chi nhánh J thuộc Công ty M 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 278684 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 29/12/2000.

[2.2] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Công ty M phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng). Ngân hàng V được nhận lại số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) sau khi thu được của Công ty M.

[2.3] Về án phí sơ thẩm: Công ty M phải chịu 113.001.000 đồng (Một trăm mười ba triệu không trăm lẻ một ngàn đồng) án phí KDTM sơ thẩm.

Ngân hàng V không phải chịu tiền án phí, và được nhận lại 56.501.000 đồng (Năm mươi sáu triệu năm trăm lẻ một nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng V đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0013371 ngày 18/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

[2.4] Về án phí phúc thẩm:

Bà Đỗ Thị Q2 phải chịu 2.000.000 đồng *(hai triệu đồng)* án phí KDTM phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí KDTM phúc thẩm ông Huỳnh Công Q1 nộp thay theo biên lai số AA/2021/0012055 ngày 20/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. B.

Miễn tiền án phí KDTM phúc thẩm cho ông Huỳnh Công Q1.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02);
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(***Đã ký)***

Trịnh Văn Toàn